TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH LINH
TỈNH QUẢNG TRỊ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:10/2023/HNGĐST.
Ngày: 25/9/2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LINH, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Đình Hoan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị My.
2. Ông Nguyễn Bá Lưu.

Thư ký phiên toà: Ông Tạ Thanh Tuấn - Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Linh.

Kiểm sát viên tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Lệ Quyên - KSV

Ngày 07 và 25/9/2023, tại Phòng xét xử Toà án nhân dân huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 47/2023/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2023 về việc: *"Tranh chấp ly hôn và giao nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2023/QĐXX-DS ngày 21 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số:16/2023/QĐST-DS ngày 07 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn*****:** Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm: 1983

Địa chỉ: Thôn Bình A, xã Vĩnh Ch, huyên Vĩnh L, tỉnh Quảng Tr, có mặt.

- ***Bị đơn*****:** Anh Nguyễn Văn Kh, sinh năm: 1986.

Địa chỉ: Thôn Bình A, xã Vĩnh Ch, huyên Vĩnh L, tỉnh Quảng Tr, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 24/02/2023 và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà nguyên đơn chị Đ trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Văn Kh yêu nhau tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Vĩnh Chấp vào tháng 01 năm 2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, cùng nhau xây dựng gia đình, nuôi dạy con cái. Nhưng khoản hai năm trở lại đây, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn với ly do tính tình không còn hợp nhau nên thường xuyên xảy ra cải vã, anh Kh nhiều lúc còn đánh đập chị, mặc dù chị đã khuyên can nhiều lần nhưng anh Kh không thay đổi nên chị đã ly thân gần 02 năm nay. Nay chị Đ thấy rằng mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân giữa hai vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm không còn nên chị cương quyết xin được ly hôn với anh Kh để ổn định cuộc sống.

- Về con chung có 02 cháu: Nguyễn Minh Ng, sinh ngày 15/02/2014 và Nguyễn Ngọc B, sinh ngày 21/10/2015. Nếu được ly hôn, chị Đ có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả hai cháu Nguyễn Minh Ng, Nguyễn Ngọc B và yêu cầu anh Kh cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng cho đến khi cả hai cháu Ng và B thành niên.

Vê tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn – anh Nguyễn Văn Kh*:* Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh Kh, nhưng anh Kh không có mặt và cũng không có ý kiến gì. Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập lần hai cho anh Kh đến tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng anh Kh vẫn vắng mặt.

Tòa án đã tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân tại nơi cư trú của anh Kh, chị Đ.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành tố tụng, giải quyết, xét xử vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định; Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều Điều 70 và 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70 và 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào các Điều 51; 56; 81; 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình đề nghị xử cho chị Nguyễn Thị Đ được ly hôn anh Nguyễn Văn Kh.

Về con chung: Đề nghị giao hai cháu Nguyễn Minh Ng, sinh ngày 15/02/2014 và Nguyễn Ngọc B, sinh ngày 21/10/2015 cho chị Đ nuôi dưỡng;

Về cấp dưỡng nuôi con: Xét yêu cầu của chị Đ yêu cầu anh Kh cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 1.500.000đ là phù hợp nên đề nghị chấp nhận. Anh Kh có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Về tài sản chung: Chị Đ không yêu cầu nên không xét.

+ Về án phí: Chị Nguyễn Thị Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật; anh Nguyễn Văn Kh phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị Đ có đơn yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Văn Kh và yêu cầu giao nuôi con chung khi ly hôn. Vì vậy, đây là vụ án ly hôn, giao nuôi con chung khi ly hôn thuộc thẩm quyền

giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại thời điểm Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, bị đơn là anh Nguễn Văn Kh đang cư trú tại thôn Bình A, xã Vĩnh Ch, huyện Vĩnh Linh. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Linh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn Văn Kh đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đ và anh Kh yêu nhau tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Vĩnh Chấp năm 2013, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu, đến cuối năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn như đương sự trình bày, các bên đã cố gắng hòa giải nhưng không được. Khoảng hai năm trở lại đây, vợ chồng đã không còn sống chung, nguyên đơn đã đưa hai con bỏ về nhà cha mẹ đẻ mình cư trú đến nay. Nay, chị Đ nhận thấy không thể tiếp tục cuộc hôn nhân này được nữa nên xin được ly hôn với bị đơn. Xét thấy: Nguyên đơn, bị đơn đã không còn sống chung với nhau từ tháng 5/2021 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đã cương quyết xin ly hôn. Bị đơn mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Toà và cũng không có ý kiến gì, chứng tỏ anh Kh cũng không còn thiết tha gì về việc tiếp tục cuộc sống hôn nhân với chị Đ.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại tại địa phương nơi chị Đ, anh Kh cư trú và sinh sống, kết quả: Vài năm trở lại đây, quá trình sinh sống tại địa phương, cuộc sống của hai vợ chồng chị Đ và anh Kh thường xảy ra mâu thuẫn do tính tình không còn hợp nhau, anh Kh bê tha rượu chè về nhà thậm chí đánh đập chị, mặc dù đã tự tìm cách khắc phục song tình trạng vẫn không thay đổi, nên chị Đ đưa hai con bỏ về nhà mẹ đẻ mình sinh sống gần hai năm nay. Thấy rằng, nếu tiếp tục cuộc sống hôn nhân sẽ không hạnh phúc và mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc chị Đ xin ly hôn anh Kh là có căn cứ, phù hợp với thực tế, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Đ anh Kh có hai con chung là Nguyễn Minh Ng, sinh ngày 15/02/2014 và Nguyễn Ngọc B, sinh ngày 21/10/2015. Hiện cả hai cháu đang được chị Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; chị Đ cũng có nguyện vọng xin được nhận cả hai cháu về nuôi dưỡng và yêu cầu anh Kh cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 1.500.000đ cho cả hải cháu Ng và B đến khi thành niên; mặt khác hai cháu Ng và B cũng đã trên 07 (bảy) tuổi, các cháu đều có nguyện vọng được ở với mẹ để có điều kiện ăn học. Quá trình giải quyết vụ án, anh Kh đều không có ý kiến gì. Nên cần giao cả hai cháu Nguyễn Minh Ng và Nguyễn Ngọc B cho chị Đ nuôi dưỡng và buộc anh Kh cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 1.500.000đ là có căn cứ, phù hợp với nguyện vọng của các cháu và phù hợp quy định tại Điều

81, 82 và 83 luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; bị đơn phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 các Điều 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51; 56; 81; 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Đ.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Đ được ly hôn anh Nguyễn Văn Kh.

- Về con chung: Giao hai cháu Nguyễn Minh Ng, sinh ngày 15/02/2014 và Nguyễn Ngọc B, sinh ngày 21/10/2015 cho chị Đ nuôi dưỡng, anh Kh phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 1.500.000 (một triệu năm trăm ngàn) đồng, thi hành từ ngày bản án hiệu lực pháp luật cho đến khi các cháu Ng, B thành niên và có khả năng lao động. Anh Kh có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền gốc phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Biên lai thu số: 0000284 ngày 27/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Linh. Chị Đào đã nộp đủ án phí; Anh Nguyễn Văn Kh phải chịu 300.000 đồng án phí về cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- Viện kiểm sát Vĩnh Linh;
- UBND xã Vĩnh Chấp;
- Chi cục Thi hành án DS;
- Tòa án tỉnh Quảng Trị;
- Hồ sơ, lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Đình Hoan